

Chi tiết mã HS 3208.20.90

Mã HS	3208.20.90
Mô tả hàng hóa	Sơn và vecni (kể cả men trắng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường không chứa nước; các dung dịch như đã ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	30/10/2026 12:25:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/32082090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4859
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4859
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4859
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0/0/0	0 / 0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VKFTA	0/5/5	0 / 5 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	11	11%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4748
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4709
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4709
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4709
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4709
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4709
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4709
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022		AJ!4747
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023		AJ!4747
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024		AJ!4747
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025		AJ!4747

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026		AJ!4747
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027		AJ!4747
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4751
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4751
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4751
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4751
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4751
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4751
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F4751
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4715
AIFTA	30/12/2022	2022	12	AI!F4711
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	11.5	AI!G4711
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	11.5	AI!H4711
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	11	AI!I4711
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	11	AI!J4711
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	11	AI!K4711
VKFTA	2022	2022		VK!4711
VKFTA	2023	2023		VK!4711
VKFTA	2024	2024		VK!4711
VKFTA	2025	2025		VK!4711
VKFTA	2026	2026		VK!4711
VKFTA	2027	2027		VK!4711
VCFTA	2022	2022	2	VC!D4758
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4758
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4758
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4758

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4758
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4758
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4755
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4755
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4755
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4755
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4755
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4755
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D4763
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E4763
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F4763
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G4763
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H4763
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I4763
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4734
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E4734
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F4734
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4734
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4734
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4734
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4736
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E4736
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F4736
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4736
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4736
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4736

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4734
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4734
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4734
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4734
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4734
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4734
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4734
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D4755
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E4755
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F4755
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G4755
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H4755
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I4755
RCEP B	2022	2022	9	B!D4755
RCEP B	2023	2023	8	B!E4755
RCEP B	2024	2024	7	B!F4755
RCEP B	2025	2025	6	B!G4755
RCEP B	2026	2026	5	B!H4755
RCEP B	2027	2027	4	B!I4755
RCEP C	2022	2022	9	C!D4755
RCEP C	2023	2023	8	C!E4755
RCEP C	2024	2024	7	C!F4755
RCEP C	2025	2025	6	C!G4755
RCEP C	2026	2026	5	C!H4755
RCEP C	2027	2027	4	C!I4755
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D4755

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E4755
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F4755
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G4755
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H4755
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I4755
RCEP E	2022	2022	9	E!D4758
RCEP E	2023	2023	8	E!E4758
RCEP E	2024	2024	7	E!F4758
RCEP E	2025	2025	6	E!G4758
RCEP E	2026	2026	5	E!H4758
RCEP E	2027	2027	4	E!I4758
RCEP F	2022	2022	9	F!D4755
RCEP F	2023	2023	8	F!E4755
RCEP F	2024	2024	7	F!F4755
RCEP F	2025	2025	6	F!G4755
RCEP F	2026	2026	5	F!H4755
RCEP F	2027	2027	4	F!I4755
VIFTA	2024	2024	6.7	VI!F4384
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G4384
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4384
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4384

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%, AIFTA 11%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cần nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3208.20 có 3 dòng thuế; dòng 3208.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3208.20.40 Sơn chống hà và/hoặc chống ăn mòn dùng để sơn vỏ tàu thủy (SEN); 3208.20.70 Vecni (kể cả dầu bóng), loại dùng trong nha khoa (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3208.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3208.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4859), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.